

Số: /QĐ-UBND

Nhã Lộng, ngày 24 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHÃ LỘNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số: 03 /NQ-HĐND ngày 20/04/2025 của Hội đồng nhân dân xã Nhã Lộng về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2024;

Xét đề nghị của công chức Tài chính- kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của UBND xã Nhã Lộng.

(Theo các biểu đính kèm số 116/CKTC-NSNN; 117/CKTC-NSNN; 118/CKTC-NSNN; 119/CKTC-NSNN; 120/CKTC-NSNN)

Điều 2. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính- KH huyện;
- Đảng ủy xã, HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Mạnh

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	11,133,435,401	TỔNG SỐ CHI	10,973,807,680
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	32,046,000	I . Chi đầu tư phát triển	2,701,083,966
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	445,486,454	II. Chi thường xuyên	8,134,522,122
III. Thu bổ sung	10,611,039,316	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	138,201,592
- Bổ sung cân đối	6,337,500,000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	4,273,539,316		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	10,690,758		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	34,172,873		
Kết dư ngân sách			159,627,721

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024
(Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	11,084,902,947	10,968,902,947	11,305,438,030	11,133,435,401	102.0%	101.5%
I	Các khoản thu 100%	51,000,000	51,000,000	32,105,500	32,046,000	63.0%	62.8%
	Phí, lệ phí	31,000,000	31,000,000	31,296,000	31,296,000	101.0%	101.0%
	Phí chợ			0	0		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		0	0	0		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		0				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		0				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		0				
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	0	0	0	0		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		0	0	0		
	Thu khác	20,000,000	20,000,000	809,500	750,000	4.0%	3.8%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	378,000,000	262,000,000	617,429,583	445,486,454	163.3%	170.0%
1	Các khoản thu phân chia		0				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		0				
	- Thuế thu nhập cá nhân	107,000,000		138,311,751		129.3%	
	- Thu tiền sử dụng đất	0	0	0	0		
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.	33,000,000	33,000,000	144,735,787	144,735,787	438.6%	438.6%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	23,000,000	23,000,000	25,400,000	25,400,000	110.4%	110.4%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất.	0	0	46,391,939	23,195,977		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	215,000,000	206,000,000	262,590,106	252,154,690	122.1%	122.4%
	- Thu thuế GTGT	215,000,000	206,000,000	262,590,106	252,154,690	122.1%	122.4%
	- Thu thuế TNDN	0	0				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		0				
IV	Thu chuyển nguồn	34,172,873	34,172,873	34,172,873	34,172,873	100.0%	100.0%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	10,690,758	10,690,758	10,690,758	10,690,758	100.0%	100.0%
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10,611,039,316	10,611,039,316	10,611,039,316	10,611,039,316	100.0%	100.0%
	- Thu bổ sung cân đối	6,337,500,000	6,337,500,000	6,337,500,000	6,337,500,000	100.0%	100.0%

	- Thu bổ sung có mục tiêu	4,273,539,316	4,273,539,316	4,273,539,316	4,273,539,316	100.0%	100.0%
--	---------------------------	---------------	---------------	---------------	---------------	--------	--------

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	11,305,202,132	2,710,565,000	8,594,637,132	10,973,807,680	2,701,083,966	8,272,723,714	97.1%	99.7%	96.3%
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	0	0		0	0				
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi SN Y tế	96,876,000	0	96,876,000	96,876,000	0	96,876,000	100.0%		100.0%
4	Chi văn hóa, thông tin	485,000,000	400,000,000	85,000,000	474,228,550	399,576,950	74,651,600	97.8%		87.8%
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao	55,000,000	0	55,000,000	47,000,000	0	47,000,000	85.5%		85.5%
7	Chi bảo vệ môi trường	35,000,000	0	35,000,000	35,000,000	0	35,000,000	100.0%		100.0%
8	Chi các hoạt động kinh tế	2,310,565,000	2,310,565,000	0	2,301,507,016	2,301,507,016	0	99.6%		
	Chi giao thông	1,433,167,000	1,433,167,000	0	1,430,721,010	1,430,721,010	0	99.8%		
	Nông - Lâm- thủy lợi - hải sản	877,398,000	877,398,000		870,786,006	870,786,006				
	Chi SN Thị chính									
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6,275,940,000		6,275,940,000	6,154,605,982		6,154,605,982	98.1%		98.1%
10	Chi cho công tác xã hội	90,000,000		90,000,000	85,603,000		85,603,000	95.1%		95.1%
11	Chi dân quân tự vệ	694,400,000		694,400,000	674,600,000		674,600,000	97.1%		
12	Chi an ninh trật tự	1,022,219,540		1,022,219,540	966,185,540		966,185,540	94.5%		
13	Chi khác	0		0	0		0			
14	Dự phòng ngân sách	102,000,000		102,000,000	0		0	0.0%		
15	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	138,201,592	0	138,201,592	138,201,592	0	138,201,592	100.0%	100.0%	100.0%

Xây dựng tuyến đường GTNT xóm Thanh Đàm	2024	387,896,037		381,100,000	381,100,000				381,100,000
Xây dựng mương tưới miền Hợp Thành	2024	964,665,931		850,000,000	843,388,006				843,388,006
Đường giao thông nông thôn xóm Chiền 1, xóm Bền, xóm Xúm xã Nhã Lộng	2024	758,829,815	0	758,829,815	597,554,010	0	0	0	597,554,010
Xây mới NVH xóm Soi Chiền 1	2024	402,849,194	302,849,194	402,849,194	100,000,000	0	0	0	100,000,000
Hỗ trợ sửa chữa nhà văn hóa xóm Soi 1 xã Nhã Lộng	2024	134,467,038	84,467,038	134,467,038	50,000,000		0		50,000,000
Hỗ trợ sửa chữa nhà văn hóa xóm Soi 2 xã Nhã Lộng	2024	212,154,212	162,154,212	212,154,212	50,000,000				50,000,000
Hỗ trợ sửa chữa nhà văn hóa xóm Náng xã Nhã Lộng	2024	69,486,107	19,486,107	69,486,107	50,000,000				50,000,000
Hỗ trợ sửa chữa nhà văn hóa xóm Đô xã Nhã Lộng	2024	66,438,100	16,438,100	66,438,100	50,000,000				50,000,000
Hỗ trợ sửa chữa nhà văn hóa xã Nhã Lộng	2024	99,576,950	0	99,576,950	99,576,950				99,576,950

Tỉnh Thái Nguyên
Huyện Phú Bình
Xã Nhã Lộng

Biểu số 120/CK TC-NSNN

THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024
(Quyết toán đã được HĐND phê chuẩn)

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung	Kế hoạch năm năm 2024			Thực hiện năm năm 2024		
	Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
			(+) (-)			(+) (-)
Tổng số	541,894,796	541,894,796	0	541,894,796	527,862,115	14,032,681
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	0	0	0	0	0	0
2. Các hoạt động sự nghiệp	541,894,796	541,894,796	0	541,894,796	527,862,115	14,032,681
+ Thu Chi Hoạt động TT.HTCĐ	27,420,000	27,420,000	0	27,420,000	27,420,000	0
+ Thu Chi hộ Ủy nhiệm thu thuế	2,593,109	2,593,109	0	2,593,109	0	2,593,109
+ Thu chi hộ tiền điện hộ nghèo	68,451,015	68,451,015	0	68,451,015	68,451,015	0
+ Thu chi hộ tiền hỗ trợ khắc phục thiệt hại về cây trồng vật nuôi do bão số 3 và mưa lũ gây ra	431,991,100	431,991,100		431,991,100	431,991,100	0
+ Thu chi hộ tiền lập danh sách tăng giảm BHYT	11,439,572	11,439,572	0	11,439,572	0	11,439,572

